Toµ ¸n nh©n d©n huyÖn Gia L©m
Thµnh phè Hµ Néi

Céng hoµ x· héi chñ nghÜa ViÖt nam
§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc

Sè: 136/2020/Q§VDS-ST
Ngµy 17-12-2020
V/v: Tuyªn bè mét ng-êi lµ ®· chÕt

QuyÕt ®Þnh gi¶i quyÕt viÖc d©n sù
tuyªn bè mét ng-êi lµ ®· chÕt

Toµ ¸n nh©n d©n huyÖn Gia L©m, thµnh phè hµ néi

Víi thµnh phÇn phiªn häp:

ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phiªn häp: Bà Vũ Thiên Hương

§¹i diÖn ViÖn KiÓm s¸t nh©n d©n huyÖn Gia L©m: Bà Vò ThÞ Nhiªn - KiÓm s¸t viªn

Th- ký ghi biªn b¶n phiªn häp: Ông Lưu Đình Tuấn - Th- ký Toµ ¸n nh©n d©n huyÖn Gia L©m, tHnh phố H Nội.

Më phiªn häp s¬ thÈm vµo hải 10 giờ 30 ngµy 17 tháng 12 năm 2020 t¹i trô së Tßa ¸n nh©n d©n huyÖn Gia L©m ®Ó gi¶i quyÕt viÖc d©n sù thô lý sè 34/2020/VDS -ST ngµy 02 tháng 3 năm 2020 vÒ viÖc: "Yªu cÇu tuyªn bè mét ng-êi lµ ®· chÕt".

Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Gia L©m, Hµ Néi. Nghề nghiệp: Tự do. "Cã mÆt".

Ng-êi bÞ yªu cÇu: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư cuối cùng: Thôn T, xã S, huyện Gia L©m, Hµ Néi. "Vắng mÆt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Bá V, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Thôn Q, xã X, huyện K, TP H Nội. "Vắng mặt".

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện K, TP H Nội – Chết ngày 02/10/2020.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện K, TP H Nội. "Vắng mặt".

NHẬN THẤY:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 25/02/2020 và tại phiên họp, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Ông ngoại tôi là Nguyễn Văn N, không nhớ năm sinh (Chết năm 1979), bà ngoại tôi là Nguyễn Thị H sinh năm 1927 (Chết năm 2018). Ông bà ngoại tôi sinh được 05 người con là bà Nguyễn Thị Quý, sinh

năm nào tôi không rõ (Chết năm 2013); bà Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1959 (Chết năm 2009), mẹ tôi là Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969, ngoài ra ông bà ngoại tôi không có con riêng, con nuôi nào khác.

Bố tôi tên Nguyễn Bá V, sinh năm 1958; HKTT: Thôn Q, xã X, K, H Nội, mẹ tôi tên Nguyễn Thị T sinh năm 1960. Bố mẹ tôi kết hôn năm 1985 và sinh được 02 người con: Anh trai tôi là Nguyễn Văn Dương, sinh năm 1979 (Chết năm 1990) và tôi Nguyễn Thị H, sinh ngày 13/01/1986, HKTT và nơi ở: Thôn T, xã S, huyện K, TP H Nội. Ngoài ra bố mẹ tôi không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Về việc bà T bỏ đi như sau: Năm 1991, khi đó tôi còn nhỏ, bố mẹ tôi vẫn sống hạnh phúc với nhau, nhưng không biết vì nguyên nhân gì mẹ tôi bỏ nH ra đi, đi đâu không ai biết. Gia đình tôi, cụ thể là bố tôi – chồng bà T, ông bà ngoại tôi đã tìm kiếm bà T nhiều nơi nhưng không thấy và gia đình bên đằng ngoại tôi cũng không biết tông tích mẹ tôi đi đâu, ở đâu, làm gì. Sau một thời gian có người đồn là mẹ tôi đi Trung Quốc, có người đồn đi đâu vào Miền Nam. Tuy nhiên từ năm 1991 đến nay, gia đình tôi không nhận được bất cứ thông tin gì của bà T. Do khi bà T bỏ đi khi tôi còn nhỏ nên tôi không nhớ đặc điểm nhận dạng của bà T. Hiện nay, gia đình tôi cũng không còn lưu giấy tờ gì có ảnh của bà T. Ngày tháng bà T bỏ đi thì gia đình tôi cũng không ai nhớ, tôi còn nhỏ cũng không biết, nên tôi không xác định được ngày tháng bà T bỏ đi, chỉ xác định được năm 1991. Sau khi kết hôn, bố mẹ tôi sinh sống tại nH đất bà ngoại cho mẹ tôi tại thôn T, xã S, huyện K. Đến năm 1991, khi mẹ tôi bỏ đi nH đất này để không. Đến năm 2005, bà ngoại tôi đã làm thủ tục cho riêng mẹ tôi thửa số 27(1), tờ bản đồ số 28, diện tích 85m2 và được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1353 ngày 30/12/2005 mang tên bà Nguyễn Thị T.

Nay mẹ tôi đã bỏ đi biết tích từ năm 1991 đến nay không rõ còn sống hay đã chết, vậy tôi đề nghị Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị T là đã chết để tôi thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với tài sản hiện mang tên bà T, nhưng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét tài sản của bà T khi tuyên bố bà T là đã chết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Bá V vắng mặt tại phiên họp nhưng có lời khai trong quá trình chuẩn bị xét việc yêu cầu như sau: Về quan hệ huyết thống nH bà T tôi hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của con tôi là cháu H. Tôi kết hôn với bà Nguyễn Thị T vào năm 1985, vợ chồng tôi sinh được 02 người con là Nguyễn Văn Dương, sinh năm 1979 (Chết năm 1990); cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. Ngoài ra tôi không có con riêng hay con nuôi nào khác. Vợ chồng tôi chung sống với nhau bình thường, đến năm 1991, không biết nguyên nhân gì bà T bỏ đi, từ khi bà T bỏ đi gia đình tôi và gia đình bố mẹ đẻ bà T đã đi tìm kiếm bà T khắp nơi nhưng cho đến nay không có bất cứ thông tin gì về bà T. Nay

cháu H yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị T là đã chết tôi hoàn toàn nhất trí để bảo đảm quyền lợi cho cháu.

+ Bà Nguyễn Thị B nay đã chết, trong quá trình chuẩn bị xét yêu cầu đã trình bày: Tôi hoàn toàn nhất trí về huyết thống và lời trình bày của cháu H. Bà Nguyễn Thị T là chị gái tôi, khoảng năm 1991 bà T bỏ nH đi, đi đâu thì gia đình không biết. Gia đình cũng đã đi tìm kiếm rất nhiều nơi nhưng không có thông tin gì về tung tích của bà T. Từ năm 1991 cho đến nay gia đình tôi không nhận được bất cứ thông tin gì về bà T. Nay cháu Nguyễn Thị H yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị T là đã chết, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Bà Nguyễn Thị N không có quan điểm lời khai tại Tòa án.

§¹i diÖn ViÖn kiÓm s¸t nh©n d©n huyÖn Gia L©m ph¸t biÓu quan ®iÓm t¹i phi¤n häp nh- sau: Về trình tự thủ tục tố tụng, Thẩm phán đã thụ lý, xem xét giải quyết yêu cầu của chị H đúng theo quy định của BLTTDS. Tại phiên họp chị H trình bày năm 1991, bà T bỏ nH ra đi không biết nguyên nhân gì, đi đâu gia đình không rõ. Bố mẹ đẻ của bà T, cũng là bố mẹ đẻ của tôi cũng đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có thông tin gì về tung tích bà T cho đến nay đã 29 năm, bà T cũng không liên lạc gì về nH. Căn cứ vào đơn xin xác nhận của chị H ngày 20/3/2019 và 08/5/2019 và được chính quyền địa phương xã S xác nhận bà Nguyễn Thị T đi khỏi địa phương từ năm 1991 đến nay không có tin tức gì.

Nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 71 BLDS 2015; Các điều 391, 392, 393 của BLTTDS cần chấp nhận yêu cầu của chị H tuyên bố bà Nguyễn Thị T là đã chết, thời điểm chết căn cứ quy định của BLDS, nếu không biết ngày tháng thì tính từ ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của năm, nên xác định ngày chết của bà T là ngày 01/01/1991. Về lệ phí: Hồ sơ thụ lý ngày 13/3/2020 nên áp dụng Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí để tính lệ phí vụ án

XĐt thÊy:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự, lời trình bày của các đương sự được thẩm tra xem xét tại phiên họp, qua phần tranh tụng tại phiên họp, nhận định như sau :

[1]. Về yêu cầu việc dân sự của chị Nguyễn Thị H tuyên bố bà Nguyễn Thị T là đã chết được quy định tại khoản 1 Điều 27 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 27 của BLTTDS theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 35 của BLTTDS, điểm b khoản 2 Điều 39 của BLTTDS quy định Tòa án nơi người bị yêu cầu tuyên cầu là đã chết có nơi cư trú cuối cùng, bà T có nơi cư trú cuối cùng tại thôn T, xã S, huyện K, H Nội nên TAND huyện K thụ lý giải quyết yêu cầu là đúng quy định về thẩm quyền.

[2]. Xét yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị T là đã chết: Xét chị H trình bày bà T đã bỏ nH đi từ năm 1991 cho đến nay đã 29 năm không có tin tức gì và cũng không liên lạc về nH. Gia đình chị H cũng đã tìm kiếm bà T ở rất nhiều nơi nhưng không có thông tin gì. Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ là Công an xã S và UBND xã S xác nhận bà T bỏ nH đi từ năm 1991 đến nay không có tin tức gì, Tòa án nhân dân huyện K đã tiến Hnh đăng thông tin tại Báo Quân đội nhân dân ba số liên tiếp các ngày 28, 29, 30/3/2020; tại Đài Tiếng nói Việt Nam vào các ngày 16, 17, 18/8/2020; tại Cổng thông tin điện tử của TAND tHnh phố H Nội ngày 04/8/2020 đến nay vẫn không có thông tin gì của bà Nguyễn Thị T. Bà T đi từ năm 1991, không rõ ngày tháng, căn cứ vào khoản 1 Điều 68 của BLDS 2015 xác định ngày tháng có tin tức cuối là ngày 01/01/1992, nên yêu cầu của chị Nguyễn Thị H tuyên bố bà Nguyễn Thị T là đã chết đã đủ thời gian quy định biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống, nên yêu cầu của chị H là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Đối với tài sản của bà Nguyễn Thị T: chị H không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết trong việc dân sự này.

[3].Về lệ phí: Yêu cầu của chị Nguyễn Thị H được chấp nhận, chị H phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị H, ông V, bà B, bà N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

V× c¸c lÏ trª n.

QuyÕt ®Þnh:

C¨n cø vào điểm d khoản 1, khoản 2 §iÒu 71, các Điều 68, 72 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39, các Điều 370, 371, 372, 391, 392 và 393 BLTTDS 2015;

C¨n cø khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định của pháp luật về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. ChÊp nhËn ®¬n yª u cÇu cña chị Nguyễn Thị H đề nghị tuyª n bè bà Nguyễn Thị T là đã chết.

2. Tuyª n bè bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960, ĐKHKTT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã S, huyện K, TP H Nội là đã chết, ngày chết 01/01/1997.

Về tài sản của bà Nguyễn Thị T: Tòa án không xem xét giải quyết trong việc dân sự này.

3. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị H ph¶i chÞu 300.000 ®ång lÖ phÝ viÖc d©n sù s¬ thÈm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng lệ phí theo Biên lai số

AA/2010/0005113 ngµy 27/02/2020 của Chi côc Thi hµnh ¸n d©n sù huyÖn Gia L©m, nay chuyÓn thµnh lÖ phÝ viÖc d©n sù s¬ thÈm.

Trường hợp quyết định được thi Hnh theo quy định tại điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hnh án dân sự. Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện tại điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có mặt có quyÒn kh¸ng c¸o trong thêi h¹n 10 ngµy kÓ tõ ngµy 17/12/2020. Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Bá V, bà Nguyễn Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND.H. K;
- Tòa án, VKSND TP H Nội;
- Chi cục thi Hnh án dân sự h. K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

ThÈm ph¸n - Chñ to¹ phi¹n häp

Vò Thiên Hương